

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST  
Ngày 07-7-2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Hồng Hải.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng N; địa chỉ: Phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Anh Mã Hà Bửu N; địa chỉ nơi làm việc: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Trương Hoàng T; cư trú tại: Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng), bản tự khai trong quá trình giải

quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Mã Hà Bửu N trình bày:

Do có nhu cầu mở thẻ tín dụng quốc tế, ông Trương Hoàng T ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 01/HĐSDT ngày 24/01/2011 với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 25/01/2011 Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất được quy định thống nhất theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, tính đến ngày 07/7/2022, ông T còn nợ tổng cộng nợ gốc, lãi và phí phát sinh là 95.603.545 đồng, trong đó: tiền gốc: 27.217.206 đồng; tiền lãi và phí phát sinh: 68.386.339 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc ông Trương Hoàng T có trách nhiệm hoàn trả hết số nợ gốc, lãi và phí phát sinh tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 01/HĐSDT ngày 24/01/2011 cho Ngân hàng, tạm tính đến ngày 07/7/2022 số tiền gốc, lãi và phí là 95.603.545 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đến ngày ông T trả tất nợ cho ngân hàng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ông T vắng mặt, ông T không gửi văn bản phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho Tòa án, nên không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: bảng kê tính lãi (bản chính); hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bản sao có chứng thực); giấy ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án (bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính); giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính); quyết định về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ Hồ Anh H (bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính); quyết định về việc kéo dài thời hạn giữ chức vụ đối với cán bộ Hồ Anh H (bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính); quyết định điều động và bổ nhiệm cán bộ Mai Văn T (bản sao đã đối chiếu đúng với bản chính); bản tự khai (bản chính); các bản sao kê tài khoản thẻ tín dụng tên Trương Hoàng T (bản chính); quyết định tuyển dụng Trương Hoàng T (bản sao y); quyết định về điều động và bổ nhiệm cán bộ tên Trương Hoàng T (bản sao y). Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp và chứng thực nên hợp pháp, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã gửi cho bị đơn: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến hai lần mà vẫn vắng mặt không có lý do, ông T không gửi văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng lựa chọn nơi hợp đồng được thực hiện là tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để nộp đơn khởi kiện bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để phục vụ đời sống, tiêu dùng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trương Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 01/HDSĐT ngày 24/01/2011 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và ông T. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 123, Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (và được quy định tại các điều 117, 118, 119 và 688 của Bộ luật Dân sự 2015), nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Về yêu cầu trả nợ vay gốc, lãi và phí phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 01/HDSĐT ngày 24/01/2011 tính đến ngày 07/7/2022 là 95.603.545 đồng, trong đó nợ gốc 27.217.206 đồng, nợ lãi quá hạn và phí phát sinh 68.386.339 đồng. Tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 01/HDSĐT ngày 24/01/2011 và các bản sao kê tài khoản thẻ tín dụng thì xác định: trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn đã

nhận được số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày 24/01/2011, lãi suất: được quy định thống nhất theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn và các loại phí theo thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã sử dụng và thanh toán tiền vay trong thẻ tín dụng đúng quy định, đến ngày 10/01/2012 ông T nợ số tiền gốc, lãi và phí 27.217.206 đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

[6] Ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 01/HĐSDT ngày 24/01/2011: "...hàng tháng, trước ngày đến hạn thanh toán 15 ngày, Bên A (Ngân hàng) sẽ lập và gửi Bên B (ông T) sao kê, liệt kê toàn bộ các giao dịch phát sinh trong kỳ...; nhận được sao kê, bên B có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Bên A các khoản nợ, lãi và phí phát sinh thể hiện trên sao kê..."; quy định tại Điều 10 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 01/HĐSDT ngày 24/01/2011 về việc ngừng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ: "... Sau 60 ngày kể từ ngày thanh toán, B bên không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền thanh toán tối thiểu ..." và quy định tại Điều 16 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế: "... trường hợp phát sinh tranh chấp trong quá trình thực hiện, hai bên có trách nhiệm trực tiếp bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, đôi bên cùng có lợi. Nếu không tự giải quyết được, hai bên thống nhất khởi kiện ra cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo pháp luật của Việt Nam.

[7] Bên B là ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận trong hợp đồng: ông T không thanh toán nợ thẻ trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, Ngân hàng sẽ áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn trên toàn bộ dự nợ đối với chủ thẻ được quy định tại Điều 7 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả hết nợ gốc, lãi và phí phát sinh cho đến khi ông T trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận và khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Điều 13 và Điều 34 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu. Ông T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Điều 13 và Điều 34 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHHH ngày 14/4/2010; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Trương Hoàng T trả cho Ngân hàng N tiền vay gốc, lãi và phí 95.603.545 (chín mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ ba ngàn, năm trăm bốn mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc 27.217.206 (hai mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy ngàn, hai trăm lẻ sáu) đồng, nợ lãi quá hạn và phí 68.386.339 (sáu mươi tám triệu, ba trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm ba mươi chín) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/7/2022) ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Hoàng T phải chịu 4.780.177 (bốn triệu, bảy trăm tám mươi ngàn, một trăm bảy mươi bảy) đồng; Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.277.000 (hai triệu, hai trăm bảy mươi bảy ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007055 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt thì có quyền

kháng cáo bản án này trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng TKNV-THA);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Ngoan**